

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 - LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST

Ngày : 22 - 9 - 2025

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
và cấp dưỡng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Trọng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Quang;

2. Ông Trịnh Văn Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Long Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 15 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 79/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/8/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 376/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Kim T, sinh năm 1986 (vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã TH, tỉnh Lâm Đồng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 10/3/2025, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim T và ông Bùi Văn T1 tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 06/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã TH, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (cũ). Sau khi kết hôn, bà và ông T1 dọn về chung sống một nhà. Tuy nhiên, quá trình chung sống hạnh phúc không được bao lâu, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Ông T1 không tu chí làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn nhậu, không chăm lo cho gia đình và vợ con. Ông còn dùng lời lẽ thô tục, thiếu văn hóa để xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà một cách nặng nề. Ngoài ra, ông T1 còn bạo hành bà. Dù đã được gia đình và địa

phương can thiệp nhưng ông T1 vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Bà và ông T1 đã không sống chung với nhau từ khoảng đầu năm 2025 cho đến nay. Hiện bà không còn tình cảm với ông T1 nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Bùi Văn T1.

Về con chung: Bà Đỗ Thị Kim T và ông Bùi Văn T1 có với nhau 02 con chung là Bùi Thị Thanh N, sinh ngày 09/3/2007 và Bùi Thái P, sinh ngày 17/3/2012. Khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Đối với cháu N đã đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện, bà Đỗ Thị Kim T yêu cầu ông Bùi Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bà T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Bùi Văn T1, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng đã tiến hành tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông T1 theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông T1 không tham gia tố tụng. Như vậy, ông T1 được coi là từ bỏ quyền tham gia tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án xác nhận vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hơn 1 lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15 – Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim T: Cho bà Đỗ Thị Kim T được ly hôn với ông Bùi Văn T1; giao con chung Bùi Thái P, sinh ngày 17/3/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà Đỗ Thị Kim T.

Về tài sản chung, nợ chung, do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Tuyên nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Đỗ Thị Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Bùi Văn T1; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thái P và yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng. Do bị đơn có nơi cư trú tại thôn Ba Đăng, xã TH, tỉnh Lâm Đồng nên Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Lâm Đồng thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Bùi Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim T và ông Bùi Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TH, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (cũ) theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 27, quyển số 01 ngày 06/4/2006. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà T và ông T1 đủ điều kiện kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông T1 là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim T về việc ly hôn với ông Bùi Văn T1, Hội đồng xét xử thấy: Bà T yêu cầu ly hôn với ông T1 vì cho rằng vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Nguyên nhân do ông T1 thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt; có lời lẽ thô tục, thiếu văn hoá xúc phạm và có hành vi bạo hành với bà. Bà T và ông T1 đã không sống chung với nhau từ đầu năm 2025 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, ông T1 không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông T1 để làm rõ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng bà T và ông T1 được. Tuy nhiên, theo biên bản xác minh ngày 02/4/2025 của Tòa án tại địa phương cho thấy, thời gian gần đây, vợ chồng bà T và ông T1 bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, đã sống ly thân khoảng 03 (ba) tháng. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông T1 vẫn biết việc Tòa án đang thụ lý, giải quyết ly hôn theo yêu cầu của bà T nhưng ông vẫn không tham gia tố tụng, chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà T. Với những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở để khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[5] Về con chung: Bà Đỗ Thị Kim T và ông Bùi Văn T1 có với nhau 02 con chung là Bùi Thị Thanh N, sinh ngày 09/3/2007 và Bùi Thái P, sinh ngày 17/3/2012. Khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu P. Xét thấy, từ khi bà T, ông T1 sống ly thân đến nay, cháu P sống cùng bà T, do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và lo việc học tập. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án ông T1 cũng không có ý kiến gì về vấn đề con chung. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải giao cháu P cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng mới bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu P, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu, mong muốn được sống với bà T khi cha mẹ ly hôn. Đối với chị Ngân đã thành niên, có khả năng lao động nên không giải quyết.

[6] Về cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện, bà T yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con chung với mức 5.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, bà T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với phần cấp dưỡng. Xét thấy, việc rút yêu cầu về cấp dưỡng của bà T là tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1, khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, Điều 264, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số: 81/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim T được ly hôn với ông Bùi Văn T1.

2. Về con chung: Giao con chung Bùi Thái P, sinh ngày 17/3/2012 cho bà Đỗ Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Bùi Văn T1 có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của các con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim T về việc yêu cầu ông Bùi Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012311 ngày 20/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã L (cũ). Bà Đỗ Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

5. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 15 - Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Trọng